

Bản án số: 116/2024/HS-ST
Ngày: 29/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản

Thẩm phán: Đặng Minh Tuấn

- Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Dung;

2. Ông Đinh Thanh Hải;

3. Ông Nguyễn Duy Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nông Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Văn K, sinh ngày 02/10/1988; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: TDP Á, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn 6/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên bố: Vũ Văn H, đã chết; Họ và tên mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1954; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 06; Vợ: Tô Thị B, sinh năm 1989; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con bé nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

(Có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo (Do Đoàn luật sư tỉnh T cử):* Luật sư Nguyễn Văn T1 – Văn Phòng L1, thuộc đoàn luật sư tỉnh T.

(Có mặt)

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Tô Thị B; sinh năm 1989. Trú tại TDP Á, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

* *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ C, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 05 phút ngày 05/7/2024, tại khu vực tổ E, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh T đã bắt quả tang Vũ Văn K, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố Á, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Thu giữ tại túi quần bên trái K đang mặc 01 túi nilon màu đen bên trong chứa 04 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi đều chứa các cục chất bột màu trắng, K khai nhận đều là ma túy Heroine (Niêm phong ký hiệu K); thu giữ tại túi quần bên phải K đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen có lắp thẻ sim thuê bao 0326176936 (Niêm phong ký hiệu K1); số tiền 1.860.000 đồng thu giữ trong túi quần phía sau bên phải K đang mặc và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave sơn màu đen BKS 20B1-971.47. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và đưa K về trụ sở để làm việc.

Cùng ngày, tiến hành khám xét chỗ ở của K tại tổ dân phố Á, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thu giữ trong két sắt phòng ngủ của K 56.500.000 đồng.

Hồi 15 giờ ngày 05/7/2024, tiến hành mở niêm phong ký hiệu K cân toàn bộ cục chất bột màu trắng có tổng khối lượng 149,866 gam. Trộn đều lấy 3,325 gam niêm phong ký hiệu G gửi giám định, còn lại 146,541 gam niêm phong ký hiệu L lưu kho.

Tại kết luận giám định số 813/KL-KTHS ngày 13/7/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T, kết luận: Các cục chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine (heroin); khối lượng thu giữ ban đầu là 149,866 gam.

Tiến hành mở niêm phong K1 kiểm tra chiếc điện thoại thu giữ của K. Kết quả: Không có dữ liệu gì liên quan.

Trong quá trình điều tra, bị cáo K khai nhận: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 05/7/2024 khi K đang ở nhà thì có một người nam giới tự giới thiệu tên là K1 nhà ở tỉnh Lạng Sơn (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) đến đặt mua của K 04 (Bốn) túi Heroine với giá 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). K đồng ý và hẹn K1 đến 12 giờ 00 phút cùng ngày đến khu vực đường D, phường C, TP T, tỉnh Thái Nguyên để hai bên trực tiếp mua bán ma túy. Sau đó K một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS 20B1-971.47 đi đến khu vực đầu cầu G, thuộc phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, K mua được 04 (Bốn) túi Heroine được đựng trong một túi nilon màu đen của một người nam giới khoảng 40 tuổi tự giới thiệu tên là L (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) hết số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, K cất giấu ở trong cốp xe và quay trở về nhà. Đến 12 giờ 00 cùng ngày, K lấy toàn bộ số heroine vừa mua được nêu trên cất giấu vào trong túi quần bên trái rồi điều khiển xe mô tô ra điểm hẹn chờ K1. Khi K đang chờ K1 đến để bán ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy nêu trên.

Vật chứng vụ án: Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 114/CT-VKS, ngày 30/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Vũ Văn K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 20 năm tù. Phạt tiền bị cáo từ 07 triệu đến 10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định cũng như vỏ bao bì liên quan. Tạm giữ 01 điện thoại di động cũng như toàn bộ số tiền thu giữ của bị cáo cũng như số tiền thu giữ tại gia đình bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung của bản cáo trạng cũng như luận tội của đại diện viện kiểm sát; tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải số ma túy thu giữ của bị cáo chưa bị phát tán ra xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức án phù hợp; Đối số tiền thu giữ tại gia đình bị cáo đề nghị trả lại cho gia đình quản lý sử dụng; không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư; không có bổ sung gì khác.

Đôi đáp với ý kiến của luật sư: Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người chứng kiến tuy nhiên những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do hám lời nên, ngày 05/7/2024 Vũ Văn K đã đến khu vực Cầu G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên mua 149,866 gam ma túy loại Heroine của một người tên L không rõ địa chỉ với giá 100.000.000 đồng mục đích để bán kiếm lời. Đến 12 giờ 05 phút cùng ngày, Vũ Văn K mang toàn bộ số ma túy trên đến khu

vực tổ E, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để bán cho người tên K1 không rõ địa chỉ nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự:

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 20 năm, chung thân hoặc tử hình:

a) ...

b) ... heroine có khối lượng từ trên 100 gam;”

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người, làm nguy cơ gia tăng các loại tội phạm khác vì vậy đối chiếu với các quy định hiện hành cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục cho bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Vật chứng vụ án:

- Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, vỏ bao bì liên quan đến ma túy xác định vật Nhà nước cấm lưu hành, vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối số tiền 1.860.000đ thu giữ của bị cáo cũng như số tiền 56.500.000 đồng thu giữ tại nhà của bị cáo xác định không liên quan đến hành vi phạm tội; Tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo, số tiền còn lại cần trả cho bà Tô Thị B (vợ bị cáo).

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy cần phạt bổ sung một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh điều luật mức hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư về xử lý vật chứng không có căn cứ nên hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

[9] Liên quan trong vụ án bị cáo khai mua ma túy của một người nam giới tên L (Không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) với giá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để bán cho người nam giới tự giới thiệu tên là K1 (Không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) với giá 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Do K không biết thông tin của người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra Vũ Văn K còn khai nhận đã mua ma túy của L nhiều lần về sử dụng cho bản thân. Tuy nhiên không có đủ cơ sở để xác định về thời gian, địa điểm, khối lượng ma túy, do đó Phòng CSĐTTP về ma túy không ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Vũ Văn K.

Đối với anh Nguyễn Văn T3 là chủ sở hữu xe mô tô BKS 20B1-971.47, anh T3 không biết K sử dụng xe của mình để thực hiện việc mua bán ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt** bị cáo Vũ Văn K 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2024.
3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo 10 (Mười) triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.
4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **L** trên mép dán có chữ ký của Vũ Văn K, các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan

CSĐT Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: 146,541 gam chất bột màu trắng nghi là Heroine thu giữ của Vũ Văn K ngày 05/7/2024, lưu kho theo quy định.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **G** trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Đăng H1, Trần Đức T4 và hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS - Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 3,218 gam mẫu G còn lại sau giám định và vỏ bao gói.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **V** trên mép dán có chữ ký của Vũ Văn K, các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T. Bên trong chứa các lớp nilon bọc ngoài và vỏ bì niêm phong ban đầu, lưu kho theo quy định.

4.2. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động được niêm phong theo quy định ký hiệu **K2** trên mép dán có chữ ký của Vũ Văn K, các thành phần tham gia niêm phong cùng hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, có hai số IMEI lần lượt là: 866787057530193 và 866787057530185, bên trong lắp thẻ sim có số thuê bao: 0326176936 và số tiền 1.860.000 đồng thu giữ của bị cáo cũng như số tiền 56.500.000 đồng thu giữ tại nhà của bị cáo. Số tiền còn lại cần trả cho bà Tô Thị B (vợ bị cáo).

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 12 ngày 01/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên và ủy nhiệm chỉ số 271 ngày 28/10/2024)

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản

